

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH BD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Hồng

Ông Cao Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 406/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn HV, xã HS, thị xã HN, tỉnh BD.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hải K, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn HV, xã HS, thị xã HN, tỉnh BD.

(Chị T có mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Vợ chồng tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HS ngày 22/9/2015. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là tính tình không hợp, anh K ham chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng thường hay cãi vã. Vì không chịu đựng được nên chị phải bỏ về nhà cha mẹ ruột ở

từ tháng 01/2020 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị thấy vợ chồng sống không hạnh phúc và không thể sống chung với nhau được nữa, do đó chị yêu cầu được ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Gia K1, sinh ngày 13/7/2016, sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con như từ bấy lâu nay và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hải K vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tố tụng anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nhậm án là đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh K. Giao cháu Nguyễn Lê Gia K1, sinh ngày 13/7/2016 cho chị T tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. An phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh K có địa chỉ cư trú tại thôn HV, xã HS, thị xã HN, tỉnh BD. Do đó Tòa án nhân dân thị xã HN thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

[1] Chị T và anh K tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HS ngày 22/9/2015 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là tính tình không hợp, anh K ham chơi cờ bạc nên vợ chồng thường hay cãi vã, rồi chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 01/2020 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau không ai quan tâm gì đến ai, làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh K là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị T và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Gia K1, sinh ngày 13/7/2016 từ bấy lâu nay cháu K1 do chị T nuôi dưỡng. Để cháu K1 được nuôi dưỡng tốt hơn về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết giao cháu K1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sung vào ngân sách nhà nước là đúng với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 và các Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Hải K được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Gia K1, sinh ngày 13/7/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Chị T đã tạm ứng đủ theo biên lai thu số 0009817 ngày 04/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN được tính trừ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã HS, để Tòa án nhân dân tỉnh BĐ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- VKSND thị xã HN;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vinh